

Số: ~~4914~~/QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày 28 tháng 10 năm 2015

### QUYẾT ĐỊNH

V/v hỗ trợ kinh phí chi trả tiền điện hộ nghèo  
và hộ chính sách xã hội Quý III năm 2015 theo quy định  
tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg cho xã, thị trấn

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ tiền điện cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Quý III năm 2015;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện tại Tờ trình số 156/TTr-LĐXH ngày 09/10/2015 và của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 429/TTr-TCKH ngày 19/10/2015,

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Hỗ trợ kinh phí chi trả tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội Quý III năm 2015 cho UBND các xã, thị trấn từ nguồn kinh phí có mục tiêu tỉnh tại Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, với tổng số tiền là: **256.404.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng).**

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

- Giao Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện lập thủ tục cấp phát kinh phí hỗ trợ nêu trên cho UBND các xã, thị trấn và theo dõi quyết toán kinh phí theo đúng qui định.

- Giao Trưởng phòng Phòng Lao động Thương binh và Xã hội theo dõi việc chi trả tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội của các xã, thị trấn và tổng hợp báo cáo đúng theo qui định hiện hành.

- Giao Chủ tịch UBND các xã, thị trấn sử dụng kinh phí hỗ trợ nêu trên đúng mục đích, đúng nội dung và quyết toán tài chính theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký,

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Lưu : VT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Tích Hiếu**



## PHỤ LỤC

Ban hành kèm theo Quyết định số 4919/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của UBND huyện Tuy Phước

Số TT	Đơn vị	Hộ nghèo		Hộ chính sách xã hội						Tổng cộng	
				Tổng cộng		Truy lĩnh Quý 2		Hỗ trợ Quý 3			
		Số hộ (hộ)	Số tiền (đồng)	Số hộ (hộ)	Số tiền (đồng)	Số hộ (hộ)	Số tiền (đồng)	Số hộ (hộ)	Số tiền (đồng)	Hộ	Số tiền (đồng)
1	Phước Hưng	74	10.212.000	9	782.000	3	184.000	6	598.000	83	10.994.000
2	Phước Quang	144	19.872.000							144	19.872.000
3	Phước Hòa	176	24.288.000							176	24.288.000
4	Phước Thắng	152	20.976.000							152	20.976.000
5	Phước Sơn	309	42.550.000							309	42.550.000
6	Phước Thuận	236	32.568.000							236	32.568.000
7	Phước Hiệp	171	23.598.000							171	23.598.000
8	Phước Lộc	145	20.010.000							145	20.010.000
9	Phước Nghĩa	17	2.346.000							17	2.346.000
10	Phước An	172	23.736.000							172	23.736.000
11	Phước Thành	138	19.044.000							138	19.044.000
12	TT Tuy Phước	53	7.314.000							53	7.314.000
13	TT Diêu Trì	66	9.108.000							66	9.108.000
Tổng cộng		1.853	255.622.000	9	782.000	3	184.000	6	598.000	1.862	256.404.000